

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 25/11 đến ngày 01/12/2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết đầu tuần trời nắng nhẹ; cuối tuần do ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường trời âm u, nhiệt độ giảm sâu, đêm và sáng có sương mù. Nhiệt độ trung bình 20,9⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 28⁰C, thấp nhất 11⁰C.

Ẩm độ trung bình 75 - 83% (xấp xỉ CKNT).

Số giờ nắng đạt 33 - 35 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

* Diện tích gieo trồng vụ đông 2020 đến nay ước đạt 14.478,8 ha.

- Cây ngô: 5.625,9 ha (thâm dâu - chắc hạt).

- Khoai lang: 1.276,2 ha (PTTL - củ).

- Cây lạc: 205,0 ha (đâm tia - củ non).

- Cây đậu tương: 432,8 ha (hoa - quả non).

- Rau các loại: 5.277,8 ha (các giai đoạn).

- Cây trồng khác: 1.661,1 ha.

Trong tuần trời nắng nhẹ, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sâu, bệnh gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 6 con (Lập Thạch); Rầy nâu 1,6 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 15 con (Lập Thạch); Rầy xanh đuôi đen 0,3 con (bằng kỳ trước), nơi cao 2 con (Bình Xuyên); Rầy lưng trắng 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,2 con (bằng kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương, Tam Đảo, Sông Lô, Bình Xuyên).

1. Trên cây rau, màu:

- Trên cây ngô:

+ Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Vĩnh Tường, Tam Đảo, Bình Xuyên, Sông Lô).

+ Chuột gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 3 - 5% (Yên Lạc).

+ Bệnh đốm lá, gỉ sắt gia tăng gây hại, tỷ lệ lá hại phổ biến 5 - 7%, cao 15 - 20%, cục bộ >30% (Vĩnh Tường, Yên Lạc).

+ Sâu đục thân gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến 0,2 - 0,4%, cao 3 - 7% (Yên Lạc, Vĩnh Tường).

+ Bệnh khô vằn gia tăng gây hại, tỷ lệ cây hại phổ biến 1 - 2%, cao 5 - 7%, cục bộ 10% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc)

Ngoài ra rệp gây hại rải rác.

- Trên cây rau thập tự: sâu xanh gây hại rải rác mật độ phổ biến 0,5 - 0,7 con/m², cao 4 - 6 con/m²; bọ nhậy gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 7 - 9 con/m², cao 15 - 20 con/m² (Tam Dương, Yên Lạc, Vĩnh Yên); bệnh sương mai gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến 0,5 - 0,8%, cao 5% (Yên Lạc). Ngoài ra sâu tơ, sâu khoang, rệp, thối nhũn gây hại rải rác, mật độ sâu, tỷ lệ bệnh thấp.

- Trên cây su su ăn ngon: bệnh sương mai gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 15 - 20% (Tam Đảo).

2. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh thán thư, nhện lông nhung, bọ xít, nhện gây hại rải rác, mật độ sâu, tỷ lệ bệnh thấp.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

3. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 02/12 - 08/12

1. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu tiếp tục hại nhẹ - trung bình. Sâu đục thân, sâu ăn lá, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột gây hại nhẹ. Rệp cờ gây hại nhẹ - trung bình những diện tích ngô giai đoạn trổ cờ - phun dâu.

- Trên rau họ thập tự: Sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhậy, rệp gây hại ở mức nhẹ - trung bình. Bệnh thối nhũn, bệnh héo vi khuẩn, bệnh đốm lá hại cục bộ.

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng tiếp tục phát sinh gây hại nhẹ.

2. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung gây hại nhẹ.
- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn đơn đốc UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện:

- Tích cực vệ sinh đồng ruộng, gieo trồng cây ưa lạnh như: Khoai tây, bắp cải, su hào... đảm bảo thời vụ và hết diện tích.

- Chăm sóc cây vụ Đông, bón phân cân đối để cây khỏe, sinh trưởng phát triển tốt nhằm hạn chế sinh vật gây hại. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu, bắt chuột khi chúng có mật độ thấp để hạn chế lây lan ra diện rộng. Chỉ phun phòng trừ các sinh vật gây hại khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng trừ. Đối với sâu keo mùa thu trên ngô dùng: BT 1600WP, Emaben 0.2EC, Delfin WG, Foton 5.0ME, Clever 300WG; đối với những diện tích rau bị sâu xanh, sâu khoang gây hung thuốc Kajio 5WG, Dylan 2 EC, Tập kỳ 1.8EC...; bọ nhảy dùng thuốc Actara 25WG, Bamectin 1.8EC...; bệnh héo xanh dùng thuốc Benlate C, Xanthomix 20WP, Kasai 21,2WP...

2. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

3. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 25/11/2020 - 01/12/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bá Tuệ

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 25/11 đến ngày 01/12/2020)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Ngô	Thâm dâu – chắc hạt	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2,3			16,5	16,5				+14	9,5	Rải rác
		Bệnh gỉ sắt	%LH	20	35		36	26	10			+4,5	36	Cục bộ
		Bệnh đốm lá	%LH	19,4			81,5	81,5				+39,5	76,5	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%CH	10			47	47				-48	42	Cục bộ
		Chuột	%CH	5			3	3				-0,5	8	Rải rác
Su su	PTTL	Bệnh sương mai	%LH	20			2	2				+2	0,5	
Rau họ thập tự	Các giai đoạn	Bệnh sương mai	%CH	5			3	3				+3	3	Cục bộ
		Sâu xanh	Con/m ²	4			19	19				+3,5	19	Rải rác
		Bọ nhậy	Con/m ²	18,3			20	20				+10,5	20	Rải rác
Tổng DT nhiễm SB							228	218	10			214,5		

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.